

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v Tranh chấp

chia tài sản chung sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;
2. Ông Chau Rót Tha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc " *Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thanh N, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số D, Tổ B, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Lê Hữu L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số I, Tổ B, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ C, ấp V, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt;

Bà Trương Thị S, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số nhà B, tổ D, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thanh N trình bày:

Bà N và ông Lê Hữu L đã ly hôn theo Quyết định số 68/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn nhưng chưa giải quyết sản chung. Nay bà N yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là xe gắn máy, nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, số khung: 1010JY061128, số máy G3D4E826866, biển kiểm soát 67N1-40933 do ông Lê Hữu L đang quản lý, trị giá tại thời điểm mua xe là 55.000.000 đồng. Bà N yêu cầu được nhận lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 27.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết ông Lê Hữu L có ý kiến như sau:

Thông nhất vợ chồng có tài sản chung là xe gắn máy, nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, số khung: 1010JY061128, số máy G3D4E826866, biển kiểm soát 67N1-40933. Ông L đồng ý chia đôi tài sản chung và cũng yêu cầu chia đôi các khoản nợ chung như sau: Nợ bà Nguyễn Thị T 05 (năm) chỉ vàng 24kara; nợ tiệm cầm đồ Đại Phát số tiền 15.000.000 đồng và nợ bà Trương Thị S 7.000.000 đồng và tiền hụi chết của hai dây hụi khui ngày 10-01-2018 và hụi khui ngày 10-4-2018. Do ông L không thanh toán được tiền nợ nên bà S đã lấy chiếc xe mô tô 67N1-40933 để cầm nợ.

Bà Trương Thị S có ý kiến trình bày: Ông Lê Hữu L và bà Phan Thanh N cùng tham gia chơi hai dây hụi mở ngày 10-01-2018 và 10-4-2018, mục đích để lấy tiền làm đám cưới. Mỗi phần hụi là 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, ông L, bà N đã hốt hụi và hai dây hụi cũng đã kết thúc. Nay ông L, bà N còn nợ tiền hụi là 33.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà S không có yêu cầu độc lập trong vụ án này và xin giải quyết vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị T có ý kiến như sau: Khoảng cuối năm 2018, bà có cho bà N và ông L mượn 05 chỉ vàng 24kara, đến nay bà N và ông L vẫn chưa thanh toán số vàng này. Do bận công việc đi làm ăn xa không về được nên không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này, khi nào có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về chi phí tố tụng: Bà N tạm ứng chi phí định giá tài sản 1.000.000 đồng, yêu cầu chia theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn để vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử và tổng đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và bị đơn còn trễ hạn.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Ngày 19-4-2019, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn đã ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 68/2019/QĐST-HNGĐ. Do chưa giải quyết chia tài sản chung nên bà N yêu cầu chia tài sản chung là xe gắn máy, nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, số khung: 1010JY061128, số máy G3D4E826866, biển kiểm soát 67N1-40933.

Ông Lê Hữu L cũng thống nhất chia tài sản chung và yêu cầu chia các khoản nợ chung của bà Nguyễn Thị T 05 (năm) chỉ vàng 24 kara; T1 cầm đồ Đại Phát số tiền 15.000.000 đồng và nợ bà Trương Thị S 7.000.000 đồng và tiền hui chết của hai dây hui khai ngày 10-01-2018 và hui khai ngày 10-4-2018.

Tuy nhiên, ngày 10-02-2020 Tòa án có thông báo cho nguyên đơn và bị đơn cung cấp chứng cứ về họ tên, địa chỉ cụ thể của T1 cầm đồ Đại P nhưng nguyên đơn và bị đơn không cung cấp được. Ngày 12-4-2021, Tòa án thông báo đưa bà Nguyễn Thị T và bà Trương Thị S vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bà T, bà S không có yêu cầu độc lập trong vụ án này nên dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị T, bà Trương Thị S và người đại diện của tiệm cầm đồ Đại Phát bằng một vụ án khác theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ biên bản định giá ngày 27-9-2022 của Hội đồng định giá xác định giá trị của xe gắn máy, nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, số khung: 1010JY061128, số máy G3D4E826866, biển kiểm soát 67N1-40933 là 34.000.000 đồng, bà N cũng đồng ý theo kết quả định giá và yêu cầu ông L giao chia lại số tiền trị giá 50% của xe mô tô là 17.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Bà N tự nguyện chịu 500.000 đồng, yêu cầu ông L trả lại 500.000 đồng là hợp lý.

Tại phiên tòa, ông Lê Hữu L vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Trương Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn bà Phan Thanh N có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Hữu L đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà T, bà S có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T, bà S và ông Lê Hữu L.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Hữu L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Phan Thanh N và ông Lê Hữu L cùng thống nhất trong thời kỳ hôn nhân có tài sản chung là 01 xe gắn máy, nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, số khung: 1010JY061128, số máy G3D4E826866, biển kiểm soát 67N1-40933, giá trị tại thời điểm mua là 55.000.000 đồng (mua trả góp), khi ly hôn xe mô tô này do ông L quản lý nên có cơ sở xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản chung là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tuy nhiên, ban đầu bà N yêu cầu chia đôi giá trị của chiếc xe tại thời điểm mua 55.000.000 đồng, bà nhận 27.500.000 đồng là không phù hợp. Bởi lẽ, căn cứ vào biên bản định giá ngày 27-9-2022 của Hội đồng định giá thì giá trị của chiếc xe tại thời điểm mua khoảng 49.500.000 đồng (số tiền chênh lệch do lãi suất của việc trả góp) và giá trị của chiếc xe tại thời điểm xét xử chỉ còn 34.000.000 đồng. Bà N cũng thống nhất theo giá đã định của Hội đồng định giá, bà yêu cầu ông L giao chia trị giá 50% tài sản là 17.000.000 đồng. Nhận thấy, yêu cầu của bà N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc ông L có trách nhiệm giao trả lại cho bà N số tiền 17.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị T, Trương Thị S và tiệm C. Do bà T, bà S không có yêu cầu. Bà N, ông L không cung cấp địa chỉ của tiệm C nên không có cơ sở giải quyết. Bà T, bà S và tiệm C có quyền khởi kiện ông L, bà N bằng một vụ kiện khác theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự..

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản 1.000.000 đồng bà Phan Thanh N tạm ứng. Bà N tự nguyện chịu 500.000 đồng và yêu cầu ông L trả lại 500.000 đồng, do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên ông L có trách nhiệm trả lại cho bà N số tiền 500.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí: Bà Phan Thanh N và ông Lê Hữu L phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản chung được chia.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28; Điều 35; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 33, 59 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm b, khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh N về yêu cầu chia tài sản chung là xe gắn máy, nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, số khung: 1010JY061128, số máy G3D4E826866, biển kiểm soát 67N1-40933 mà ông Lê Hữu L quản lý sau khi ly hôn.

Ông Lê Hữu L có trách nhiệm giao lại cho bà Phan Thanh N 50% giá trị chiếc xe là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thanh N phải chịu 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 687.000 đồng (sáu trăm tám mươi bảy nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0012090 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà Phan Thanh N phải nộp thêm 163.000 đồng (một trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Ông Lê Hữu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Lê Hữu L có trách nhiệm trả số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng cho bà Phan Thanh N.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa